

Bản án số: 132/2022/HS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý - Giáo viên

Ông Hoàng Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn H, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2005 tại HN (tính đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 08 ngày); nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện U, thành phố HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn K và bà Nguyễn Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14 tháng 11 năm 2022 bị Công an huyện Q, tỉnh N quyết định khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 15/8/2022 đến ngày 24/8/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N; “có mặt”.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đoàn Văn H: Ông Đoàn Văn K, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện U, thành phố HN. Ông K “vắng mặt”, bà D “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn H: Bà Ngô Thị Lý là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N; “có mặt”.

2. **Phạm Văn M**, sinh năm 1971 tại HN; nơi cư trú: thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện U, thành phố HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn R và bà Nguyễn Thị T (Đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị H1 và 02 con: con lớn đã thành niên, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14 tháng 11 năm 2022 bị Công an huyện Q, tỉnh N quyết định khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 15/8/2022 đến ngày 24/8/2022 chuyển tạm giam, ngày 11/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn thành “Bảo lãnh” đến nay; “có mặt”.

- *Bị hại:*

+ Anh Trương Công B, sinh năm 1972 và chị Trần Thị Th, sinh năm 1974; nơi cư trú: số nhà 08, đường S, phố P, phường PT, thành phố N, tỉnh N; “vắng mặt”.

+ Chị Trần Thị Mai O, sinh năm 2004; nơi cư trú: phố PT, phường NT, thành phố N, tỉnh N; “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Quang Th1, sinh năm 2005; nơi cư trú: phố Quang Trung, thị trấn Vân Đình, huyện U, thành phố HN; “vắng mặt”.

+ Anh Phạm Huy H3, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện U, thành phố HN; “vắng mặt”.

+ Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện U, thành phố HN; “có mặt”.

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968, nơi cư trú: thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện U, thành phố HN; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn H là đối tượng lang thang không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu sài cá nhân H nảy sinh ý định đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn chuẩn bị sẵn các mẫu “Bill” (hóa đơn) chuyển tiền thành công của các ngân hàng với số tiền khác nhau và lưu trong điện thoại của mình, khi đến các cửa hàng H vào giả vờ mua hàng sau đó nói sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng và xin thông tin số tài khoản ngân hàng của người bán hàng để chuyển tiền mua hàng và chuyển thêm tiền để lấy tiền mặt. Khi có thông tin H sẽ chỉnh sửa “Bill” chuyển tiền có sẵn phù hợp với thông tin của người bán hàng rồi đưa hình ảnh giao dịch thành công cho người bán hàng xem, khi người bán hàng tin

tương sẽ giao hàng và tiền chuyển thừa cho H.

Khoảng 05 giờ ngày 10/8/2022, Đoàn Văn H rủ Nguyễn Quang Th1 đi làm, do trước đây Th1 đã đi cùng với H và biết thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H nên Th1 đồng ý và bảo H cho đi theo để học cách lừa đảo. Sau đó H gọi điện cho Phạm Văn M lên đón để đi làm, M biết là đến chở H đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đồng ý và điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu sơn bạc, biển kiểm soát 30A - 240.10 đến đón H và Th1. Trên đường đi H nói với M tìm nơi xa quê để dễ làm, M bảo về N vì dân ở đây lắm tiền, H đồng ý. Đi được một đoạn, M điều khiển xe ô tô vào đổ xăng, H đưa cho M 300.000 đồng để đổ xăng. Sau đó M điều khiển xe ô tô chở H và Th1 đi về thành phố N, khi đi vào trung tâm thành phố N, M điều khiển xe đi một vòng quanh các tuyến đường để tìm nơi đông dân cư, nhiều cửa hàng kinh doanh buôn bán để H dễ vào lừa đảo. Khoảng 9 giờ cùng ngày, M dừng xe ô tô bên phải đường Trần Hưng Đạo, cách cầu Lim khoảng 100 mét hướng đi HN, H xuống xe, Th1 ngồi trên xe ô tô quan sát cách H vào các cửa hàng lừa đảo. H đi bộ sang phía đường đối diện, vào Cửa hàng bán đồ điện tử Lâm Phát tại số 1106 đường Trần Hưng Đạo, phố Phúc Th1, phường PT, thành phố N, gặp chị Trần Thị Mai O đang đứng trong quầy bán hàng, H hỏi chị O mua chiếc loa. Chị O đưa cho H xem chiếc loa nhãn hiệu Daile, model S8, xuất xứ Trung Quốc với giá 950.000 đồng, H xem xong đồng ý mua. H nói với chị O do không có tiền mặt trong người nên sẽ thanh toán bằng chuyển khoản. Chị O đồng ý, H xin họ tên, số tài khoản ngân hàng của chị O và nói đang cần tiền mặt nên sẽ chuyển vào tài khoản của chị O số tiền 3.800.000 đồng, trừ tiền loa 950.000 đồng, còn lại tiền thừa chị O đưa lại cho H. Chị O nói tiền mặt còn có hơn 1.000.000 đồng, không đủ để trả tiền H chuyển thừa, H nói chị O có bao nhiêu đưa cho H, còn thiếu chiều H sẽ quay lại lấy sau. Khi được chị O cho thông tin tài khoản ngân hàng, H lấy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S của mình vào ứng dụng Facebook, chọn “Bill” ảnh trong phần hình ảnh có số tiền 3.800.000 đồng, sau đó vào phần chỉnh sửa để chỉnh sửa thông tin trên “Bill” chuyển tiền khớp với thông tin họ tên, số tài khoản ngân hàng của chị O. Khoảng 2-3 phút sau H chỉnh sửa xong và đưa “Bill” trên màn hình điện thoại của H cho chị O xem và chụp ảnh lại hình ảnh “Bill” giao dịch chuyển tiền thành công. Chị O nói chưa có thông báo nhận được tiền, H bảo do lỗi hệ thống ngân hàng nên tiền chưa chuyển đến tài khoản của chị O được. Chị O tin tưởng và đưa cho H số tiền 1.600.000 đồng. Sau khi nhận tiền H cho chị O số điện thoại 0586.542.504 nói có gì thì gọi lại cho H rồi H cầm tiền và xách chiếc loa đi ra chỗ xe ô tô M đang đỗ. H lên xe bỏ chiếc loa vào ghế sau và nói với M chỉ lừa được 1.600.000 đồng.

Sau đó, M điều khiển xe ô tô chở H và Th1 đi qua ngã tư đường Trần Hưng Đạo giao với đường Vân Giang hướng về HN, M dừng xe ô tô ở bên phải đường, H xuống xe nói với M dừng xe ở đây dừng đi đâu, M đồng ý. H đi bộ sang đường, Th1 ngồi trong xe quan sát. H đi sang phía đường bên kia vào cửa hàng đồ chơi ở số nhà 08, đường S, phố P, phường PT, thành phố N gặp anh Trương Công B đang bán

hàng, H hỏi mua bộ đồ chơi máy bay điều khiển, anh B đưa cho H bộ đồ chơi máy bay điều khiển nhãn hiệu Drones, xuất xứ Trung Quốc có giá 620.000 đồng. H đồng ý mua và đề nghị thanh toán bằng chuyển khoản và sẽ chuyển tổng số tiền 13.800.000 đồng để trả tiền mua hàng, số tiền còn lại anh B sẽ trả tiền mặt cho H. Anh B đồng ý và cung cấp cho H thông tin tài khoản của vợ là chị Trần Thị Th. H đã chỉnh sửa hình ảnh “Bill” giao dịch chuyển tiền thành công số tiền 13.800.000 đồng khớp với thông tin tài khoản của chị Th rồi đưa cho anh B xem hình ảnh giao dịch thành công trên màn hình điện thoại của H, khi anh B gọi lại cho chị Th rồi thông báo cho H chưa nhận được tiền chuyển vào tài khoản, H nói chắc do bị lỗi mạng nên tiền chưa về được tài khoản, rồi dùng số điện thoại 0586.542.504 gọi vào số điện thoại của anh B để tạo niềm tin. H nói với anh B đưa cho H số tiền 13.000.000 đồng, còn 180.000 đồng sẽ qua lấy sau. Sau khi anh B đưa 13.000.000 đồng, H cầm tiền cùng bộ đồ chơi máy bay điều khiển đi sang đường lên xe ô tô và nói với M chỉ lừa được 2.000.000 đồng. M điều khiển xe ô tô chở H và Th1 đi về, trên đường về M vào đổ xăng xe ô tô, H đưa cho M 400.000 đồng để đổ xăng. Khi về gần đến nhà, H đưa tiếp cho M 900.000 đồng, M bảo H đưa thêm tiền, H nói nay làm được ít và không đưa thêm, M không nói gì. Sau đó M chở H và Th1 về nhà H.

Sau khi sự việc xảy ra, chị Trần Thị Th đã trình báo sự việc, căn cứ kết quả điều tra xác minh xác định ngày 10/8/2022 các đối tượng sử dụng xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu sơn bạc, biển kiểm soát 30A-240.10 để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã ra thông báo truy tìm phương tiện và đối tượng liên quan đến vụ việc. Ngày 15/8/2022, tổ công tác của Công an thành phố N tuần tra kiểm soát phát hiện chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu sơn bạc, biển kiểm soát 30A-240.10 đang lưu thông trên đường Trần Hưng Đạo, thuộc phường Tân Thành, thành phố N nên dừng phương tiện để kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra trên xe ô tô có Phạm Văn M, Đoàn Văn H và Phạm Thị Quý là bạn của H. Tổ công tác đã yêu cầu những người có tên trên về trụ sở làm việc, tại cơ quan điều tra, Đoàn Văn H và Phạm Văn M đã viết đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Đoàn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11; thu giữ của Phạm Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu sơn bạc, biển kiểm soát 30A-240.10.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Văn H tại thôn V, xã Đ, huyện U, thành phố HN, cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc loa nhãn hiệu Daile, model S8, xuất xứ Trung Quốc; 01 bộ máy bay điều khiển nhãn hiệu Drones, xuất xứ Trung Quốc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54 ngày 22/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N kết luận: Giá trị 01 loa nhãn hiệu Daile, model S8, xuất xứ Trung Quốc là 950.000 đồng; giá trị bộ máy bay điều khiển nhãn hiệu Drones, xuất xứ Trung Quốc là 620.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 119/CT-VKSNDTPNB ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố để xét xử các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố.

Tại các lời khai trong quá trình điều tra, bị hại chị Trần Thị Mai O khai: Sáng ngày 10/8/2022, Đoàn Văn H vào Cửa hàng bán đồ điện tử Lâm Phát hỏi mua 01 chiếc loa, chị đưa cho H xem chiếc loa nhãn hiệu Daile của Trung Quốc có giá 950.000 đồng, H nhất trí mua chiếc loa. H nói do không có tiền mặt nên đề nghị được chuyển khoản và chuyển thêm tiền vào tài khoản của chị O để lấy tiền chi tiêu, tổng số tiền 3.800.000 đồng, chị O nói chỉ còn hơn 1.000.000 đồng không đủ tiền trả cho H thì H nói có bao nhiêu cứ đưa trước số còn lại H sẽ quay lại lấy sau. Chị O đọc thông tin tài khoản cho H, vài phút sau H đưa cho chị O xem trên điện thoại của H hình ảnh hóa đơn chuyển tiền thành công số tiền 3.800.000 đồng đến tài khoản của chị O, chị O nói với H chưa nhận được thông báo chuyển tiền thì H bảo chắc do lỗi hệ thống. Do tin tưởng H nên chị đã đưa cho H số tiền 1.600.000 đồng, sau đó H cầm tiền và loa ra khỏi cửa hàng. Chị O đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc loa và được gia đình bị cáo H, bị cáo M trả lại số tiền 1.600.000 đồng chị không có yêu cầu đề nghị gì khác, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại anh Trương Công B và chị Trần Thị Th khai: Khoảng 10 giờ ngày 10/8/2022 khi anh B đang bán hàng tại cửa hàng đồ chơi của gia đình thì Đoàn Văn H đến hỏi mua bộ đồ chơi máy bay điều khiển, anh đưa cho H xem máy bay điều khiển nhãn hiệu Drones xuất xứ Trung Quốc có giá 620.000 đồng. H đồng ý mua chiếc máy bay và bảo không có tiền mặt nên chuyển khoản thanh toán và nói với anh B sẽ chuyển thêm tiền để lấy tiền mặt. Anh B đồng ý và đọc cho H số tài khoản của vợ anh là Trần Thị Th. Sau khi có thông tin tài khoản, H đưa cho anh B xem hình ảnh chuyển tiền thành công trên điện thoại số tiền 13.800.000 đồng. Lúc đó chị Th không có nhà nên anh B gọi điện cho chị Th hỏi xem đã nhận được tiền chưa thì chị Th bảo chưa nhận được tiền. Anh B nói lại với H chưa nhận được tiền vào tài khoản thì H bảo do lỗi mạng nên tiền chưa vào tài khoản và H dùng số điện thoại gọi vào số của anh B nói có vấn đề gì thì gọi lại cho H. Anh B tin tưởng và đưa cho H số tiền 13.000.000 đồng, H cầm tiền và bộ máy bay điều khiển ra khỏi cửa hàng. Anh B, chị Th đã được cơ quan điều tra trả lại bộ đồ chơi máy bay điều khiển, gia đình 2 bị cáo đã trả cho anh chị số tiền 13.000.000 đồng, anh chị không có yêu cầu đề nghị gì khác, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang Th1 khai: Sáng ngày 10/8/2022 anh được H rủ đi lừa đảo, anh đồng ý đi cùng để học cách thực hiện

hành vi lừa đảo của H. Khi về N, H xuống xe để lừa đảo tại 02 cửa hàng, Th1 chỉ ngồi trên xe ô tô quan sát. Tại cửa hàng thứ nhất, khi lên xe H mang theo 1 chiếc loa và nói với anh M lừa được 1.600.000 đồng. Tại cửa hàng thứ hai khi Th1 đang nhìn theo H vào lừa đảo thì anh M nói không được nhìn nữa không người ta lại để ý thì Th1 cũng không nhìn theo nữa. Khi lên xe H cầm theo bộ đồ chơi và nói là lừa được 2.000.000 đồng. H đưa tiền cho anh M, không đưa tiền cho Th1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Huy H3 khai: Anh là con trai của Phạm Văn M. Do có nhu cầu mua xe ô tô để sử dụng nhưng bị mất căn cước công dân nên anh đã đưa cho M số tiền 92.000.000 đồng nhờ đứng ra mua chiếc xe ô tô KIA MORNING màu sơn bạc của anh Trương Văn Quý. Sau đó anh sử dụng xe làm phương tiện chở khách thuê. Đầu tháng 8/2022 anh H3 đi làm tại Thành phố H nên để chiếc xe trên ở nhà cho M lấy phương tiện chở khách thuê. Ngày 10/8/2022, M sử dụng xe ô tô chở H đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại N anh H3 hoàn toàn không biết. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H3 chiếc xe ô tô, anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị H1 khai: Anh H2 là anh trai của Đoàn Văn H, chị H1 là vợ của Phạm Văn M. Sau khi sự việc H và M thực hiện hành vi lừa đảo tại thành phố N bị phát hiện, H và M đã nói với gia đình nhờ bồi thường khắc phục hậu quả, chị H1 và anh H2 đã thực hiện việc bồi thường cho chị Trần Thị Mai O số tiền 1.600.000 đồng, gia đình chị Trần Thị Th số tiền 13.000.000 đồng. Do đều là người trong gia đình nên anh H2, chị H1 không yêu cầu H, M phải hoàn lại số tiền trên. Quá trình điều tra H ủy quyền cho anh H2 nhận lại chiếc điện thoại di động Iphone 11, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 91, Điều 98, Điều 101, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn H: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H từ 6 đến 9 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 15/8/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn M: Xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 6 đến 9 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 15/8/2022 đến ngày 11/10/2022) vào thời gian chấp hành hình phạt, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S thu giữ của Đoàn Văn H, 01 điện thoại di động Iphone

6S Plus thu giữ của Phạm Văn M. Tịch thu tiêu hủy 01 phôi sim thu giữ trong máy điện thoại của Đoàn Văn H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn H phát biểu tranh luận nhất trí với nội dung luận tội và phân tích hoàn cảnh, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo sớm có cơ hội quay lại cuộc sống xã hội sửa chữa sai lầm.

Bị cáo Đoàn Văn H trình bày nhất trí với nội dung luận tội, nội dung bào chữa; bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Văn M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, bị cáo Đoàn Văn H không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M đã khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 10/8/2022 đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản sự việc, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, biên bản xác định hiện trường, tang vật đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn

biến của hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 10/8/2022 tại địa bàn phường PT, thành phố N, tỉnh N, Đoàn Văn H đã hai lần thực hiện hành vi chỉnh sửa các “Bill” giao dịch chuyển tiền thành công tương ứng với số tài khoản, thông tin cá nhân của những người bán hàng nhằm tạo lòng tin để chiếm đoạt hàng và tiền của người bán hàng. Phạm Văn M là người giúp sức, lựa chọn địa điểm và lái xe đưa H đến các địa điểm đã chọn để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 9 giờ ngày 10/8/2022 tại Cửa hàng điện tử Lâm Phát ở số 1106 đường Trần Hưng Đạo, phố Phúc Th1, phường PT, thành phố N, Đoàn Văn H, Phạm Văn M đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Mai O 01 chiếc loa kéo nhãn hiệu Daile trị giá 950.000 đồng và số tiền 1.600.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 10/8/2022 tại Cửa hàng đồ chơi ở số 08 đường S, phố P, phường PT, thành phố N; Đoàn Văn H, Phạm Văn M đã chiếm đoạt của anh Trương Công B và chị Trần Thị Th 01 bộ máy bay điều khiển nhãn hiệu Drones trị giá 620.000 đồng và số tiền 13.000.000 đồng. Bị cáo Đoàn Văn H đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo Phạm Văn M là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đã tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H, tại phiên tòa bà D giao nộp 01 giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ, 01 giấy chứng nhận ông Nguyễn Văn Ngoan được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3. Tuy nhiên bà D không giao nộp được tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân giữa bà D và ông Ngoan, họ tên người thân ghi tại mặt sau giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ là Nguyễn Thị Giáo, sinh năm 1963 không trùng với thông tin ghi tại căn cước công dân của bà D nên không có cơ sở để xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với H.

- Nhân thân: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/8/2022, ngày 12/8/2022 các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn huyện Q, ngày 14/11/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra quyết định khởi tố bị can đối với các bị cáo.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đoàn Văn H là người khởi xướng, gọi điện thoại rủ Phạm Văn M đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, là người trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm hưởng phần lớn số tiền chiếm đoạt nên bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Phạm Văn M khi được H rủ đi thì tích cực hưởng ứng, chọn địa điểm và đưa H đến nơi thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi ngày 10/8/2022, các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện Q, tỉnh N, ngày 14/11/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện Q quyết định khởi tố bị can đối với Đoàn Văn H và Phạm Văn M về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù đối với các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo Đoàn Văn H và Phạm Văn M có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đoàn Văn H tại thời điểm phạm tội còn ở độ tuổi chưa thành niên, hiểu biết xã hội và nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa nhận thức hết tính chất và mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; bị cáo Phạm Văn M có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khỏe yếu đang phải điều trị, vì vậy khi lượng hình cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành

manh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S thu giữ của Đoàn Văn H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus thu giữ của Phạm Văn M, đây là công cụ, phương tiện H và M sử dụng để liên hệ thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; đối với 01 phôi sim thu giữ trong máy điện thoại của Đoàn Văn H đã cũ, hỏng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các tài sản khác thu giữ trong quá trình điều tra bao gồm: 01 chiếc loa nhãn hiệu Daile model S8 là tài sản của chị Trần Thị Mai O và 01 bộ máy bay điều khiển nhãn hiệu Drones là tài sản của chị Trần Thị Th, anh Trương Công B. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 thu giữ của Đoàn Văn H, là tài sản hợp pháp của H không liên quan đến hành vi phạm tội, H đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H2 nhận lại. 01 xe ô tô KIA MORNING màu bạc, biển kiểm soát 30A - 240.10 thu giữ của Phạm Văn M, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Phạm Huy H3, do bị mất căn cước công dân nên anh H3 đưa tiền nhờ H mua hộ xe. Việc M sử dụng xe ô tô chở H đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản anh H3 hoàn toàn không biết. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị Trần Thị Mai O, chị Trần Thị Th, anh Trương Công B, anh Nguyễn Văn H2, anh Phạm Huy H3 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị H1 đã bồi thường cho chị Trần Thị Mai O tổng số tiền 1.600.000 đồng, chị Trần Thị Th, anh Trương Công B tổng số tiền 13.000.000 đồng; chị O, chị Th, anh B đã nhận đủ số tiền bồi thường không có yêu cầu đề nghị gì khác

Anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị H1 không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Vấn đề có liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra, Đoàn Văn H và Phạm Văn M khai trong thời gian đầu tháng 8/2022 đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khu vực ngã 6 thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; ngày 09/8/2022 thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khu vực thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố HN; ngày 12/8/2022 thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại cửa hàng tạp hóa ở thị trấn Q, huyện Q, tỉnh N; ngày 13/8/2022 thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khu vực phường Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã thông báo với cơ quan công an các địa phương trên để phối hợp điều tra, xác định bị hại. Ngày 20/9/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Q đã có văn bản thông báo về việc xác định được người bị hại, hiện đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H và M. Đối với các vụ việc còn lại các bị can không xác định được chính xác địa điểm thực hiện hành vi lừa đảo, cơ quan điều tra đã phối hợp xác minh nhưng đến nay vẫn chưa xác định được bị hại nên đã tách phần tài liệu của các vụ việc này ra để tiếp tục điều tra xác minh.

Đối với Nguyễn Quang Th1 là người được Đoàn Văn H rủ đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 10/8/2022 tại thành phố N, tỉnh N; Th1 đi theo với mục đích học H cách lừa đảo. Khi H vào các cửa hàng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì Th1 chỉ ngồi trên xe ô tô quan sát, không có hành vi xúi giục, giúp sức hay cùng H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau khi lừa đảo chiếm đoạt được tài sản, H không chia tiền cho Th1. Do đó, hành vi của Nguyễn Quang Th1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Th1 biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H và M nhưng không tố giác, tuy nhiên H và M chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự nên hành vi của Nguyễn Quang Th1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 389 Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Do bị tuyên có tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 91, Điều 98, Điều 101, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn H;

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn M;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ (15/8/2022).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 07 (Bấy) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 15/8/2022 đến ngày 11/10/2022) vào thời gian chấp hành hình phạt. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, số IMEI: 354957070521326; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, số IMEI: 355737073759563.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phôi sim thu giữ trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, số IMEI: 354957070521326.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 27/10/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Chi cục thi hành án dân sự thành phố N)

4. Án phí: Buộc các bị cáo Đoàn Văn H, Phạm Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N (1);
- VKSND tỉnh N (1);
- VKSND TP N (1);
- Công an TP N (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh N (1);
- Sở tư pháp tỉnh N (1);
- Chi cục THA dân sự TP N (1);
- Bị cáo, người đại diện (1);
- Người bào chữa (1);
- Bị hại (3);
- Người có QLNV liên quan (4);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
PHẠM DIỆU OANH**

(Đã ký)

